

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẬT**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III năm 2014



Hà Nội - Tháng 11 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

MẪU B 01-DN

Ngày 30 tháng 9 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2014	31/12/2013
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		543.959.891.587	292.478.463.440
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.919.221.097	26.588.258.309
1. Tiền	111		16.919.221.097	26.588.258.309
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	48.218.031.000	117.627.366.628
1. Đầu tư ngắn hạn	121		48.218.031.000	118.190.002.573
2. Dự phòng đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	(562.635.945)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		370.069.398.430	90.847.480.373
1. Phải thu khách hàng	131		124.991.756.209	64.448.411.366
2. Trả trước cho người bán	132		78.566.592.540	99.500.000
3. Các khoản phải thu khác	135	V.3	166.511.049.681	26.299.569.007
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	84.731.424.981	54.441.488.242
1. Hàng tồn kho	141		84.731.424.981	54.441.488.242
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.021.816.079	2.973.869.888
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	469.270.204	93.873.020
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.852.178.153	7.074.755
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		21.700.367.722	2.873.922.113
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		448.128.154.754	514.206.606.001
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		232.356.436.151	216.587.477.100
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	220.426.488.148	215.361.065.175
- Nguyên giá	222		248.345.380.742	224.111.814.917
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(27.918.892.594)	(8.750.749.742)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	83.333.330	98.333.333
- Nguyên giá	228		100.000.000	100.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(16.666.670)	(1.666.667)
3. Chi phí XDCH dở dang	230	V.8	11.846.614.673	1.128.078.592
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	212.799.460.422	293.546.782.104
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		122.799.460.422	293.546.782.104
2. Đầu tư dài hạn khác	258		90.000.000.000	-
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.972.258.181	4.072.346.797
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	2.972.258.181	4.072.346.797
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		992.088.046.341	806.685.069.441

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 01-DN

Ngày 30 tháng 9 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		146.962.444.477	78.555.133.776
I. Nợ ngắn hạn	310		146.962.444.477	78.555.133.776
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	14.870.945.427	1.642.218.287
2. Phải trả người bán	312		88.095.726.973	64.937.054.628
3. Người mua trả tiền trước	313		28.659.777.516	88.345.193
4. Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	12.191.753.092	10.548.985.642
5. Phải trả người lao động	315		904.929.244	717.440.141
6. Chi phí phải trả	316	V.13	4.491.666	-
7. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	2.234.820.559	621.089.883
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
B. NGUỒN VỐN (400=410+430)	400		775.976.715.327	707.624.686.024
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	410	V.15	775.976.715.327	707.624.686.024
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		680.000.000.000	680.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Có phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		95.976.715.327	27.624.686.024
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		69.148.886.537	20.505.249.641
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400+ 439)	440		992.088.046.341	806.685.069.441

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 01-DN**

Ngày 30 tháng 9 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ kho đòi đòi xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		1.243,95	201,02
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Thành phố Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2014



TẠ VĂN QUYÊN
Tổng Giám đốc

HOÀNG MẠNH CƯỜNG
Kế toán trưởng

HOÀNG MẠNH CƯỜNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẬT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý III năm 2014

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	01	VL1	140.476.443.494	-	343.328.364.775	4.801.901.700
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	96.535.046	-	157.074.025	-
3. Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VL1	140.379.908.448	-	343.171.290.750	4.801.901.700
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	VL2	131.607.382.957	-	306.226.950.030	4.198.384.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV (20 = 10 - 11)	20		8.772.525.491	-	36.944.340.720	603.517.700
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	45.055.091.467	1.245.799.198	63.017.150.768	2.740.778.486
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VL4	252.250.738	-	1.483.547.284	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		207.700.388	-	370.433.889	-
8. Chi phí bán hàng	24		1.121.497.689	-	2.342.553.045	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.638.454.372	269.628.732	7.107.264.332	748.603.460
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		49.815.414.159	976.170.466	89.028.126.827	2.595.690.726
11. Thu nhập khác	31		1.324.740.551	-	2.663.738.558	-
12. Chi phí khác	32		1.124.871.216	-	2.638.767.222	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		199.869.335	-	26.971.336	-
14. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	45		(177.742.592)	-	(844.874.431)	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)	50		49.837.540.902	976.170.466	88.210.223.732	2.595.690.726

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Quý III năm 2014

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V1.5	10.823.596.305	244.042.617	18.794.701.965	648.922.682
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 - 50 - 51 - 52)	60		39.013.944.597	732.127.849	69.415.521.767	1.946.768.044
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		165.623.192	-	1.063.492.464	-
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ (62 = 60 - 61)	62		38.848.321.405	732.127.849	68.352.029.303	1.946.768.044
21. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	V1.6	571,30	10,77	1.005,18	28,63

Thành phố Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2014



TẠ VĂN QUYÊN
Tổng Giám đốc

HOÀNG MẠNH CƯỜNG
Kế toán trưởng

HOÀNG MẠNH CƯỜNG
Kế toán trưởng

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Quý III năm 2014

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2014	Năm 2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	88.210.223.732	2.595.690.726
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	14.894.606.628	717.879
- Các khoản dự phòng	03	(562.635.945)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(2.738.606)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(47.043.843.138)	(2.734.760.000)
- Chi phí lãi vay	06	370.433.889	-
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vào thu nhập	08	55.866.046.560	(138.351.395)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(31.303.492.260)	36.364.959.154
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(30.289.936.739)	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	46.269.648.626	(31.187.000.000)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	724.691.432	(282.967.529)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(365.942.223)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(14.810.386.720)	(1.000.710.228)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	87.168.043.295	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(31.640.071.722)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ H động kinh doanh	20	61.618.600.249	3.755.930.002
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ H. ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(9.891.446.754)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH	22	106.392.170	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.644.000.000)	(73.400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	32.200.000.000	(27.100.000.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(106.150.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.859.951.377	2.734.760.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(84.519.103.207)	(97.765.240.000)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ H. ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ SH	31	-	99.638.060.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	66.052.935.955	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(52.824.208.815)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	13.228.727.140	99.638.060.000
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ	50	(9.671.775.818)	5.628.750.002
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	26.588.258.309	767.959.169
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.738.606	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	16.919.221.097	6.396.709.171

Thành phố Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2014



Hoàng Mạnh Cường
HOÀNG MẠNH CƯỜNG
 Kế toán trưởng

Hoàng Mạnh Cường
HOÀNG MẠNH CƯỜNG
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
Đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014

MẪU B 09-DN

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thông Nhất (gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thông Nhất tiền thân là Công ty Cổ phần Khoáng sản và Môi trường Đại Việt, là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 0105334948 ngày 30 tháng 5 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được đổi tên từ "Công ty Cổ phần Khoáng sản và Môi trường Đại Việt" thành "Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thông Nhất", các thay đổi về ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội lần lượt chứng nhận tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi.

Cho đến thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2014, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 7 số 0105334948 vào ngày 07 tháng 05 năm 2014.

Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ - Thương mại - Sản xuất - Xây dựng

Ngành, nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty hiện nay là: Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; xây dựng công trình công ích; xây dựng nhà các loại; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa, Sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm, các sản phẩm khác từ plastic, Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm chịu lửa, Đốt than hóa (gỗ, củi có nguồn gốc hợp pháp), ...

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2, Tháp CEO, HH2-1 Mỹ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHỦ YẾU

1. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thống Nhất Holdings Việt Nam (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 9 năm 2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014

3. Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một Công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên Bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

6. Bất lợi thương mại

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014

7. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và kỳ quỹ ngắn hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ ngắn hạn và phải trả người bán.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

9. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác.

10. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẬT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

11. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 45
Máy móc thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 8
Tài sản khác	5

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

12. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm kế toán. Giá trị phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản chưa hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ. Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp và mở rộng ... liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích kinh doanh của Công ty còn dở dang tại thời điểm kết thúc niên độ.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí trang trí nội thất văn phòng làm việc, chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác.

- Chi phí trang trí nội thất văn phòng làm việc được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.
- Chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014

-
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông;
 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận còn lại tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán từ các hoạt động kinh doanh của Công ty.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay

Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận khi tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoài trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

17. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

I. Tiền

	30/09/2014	31/12/2013
Tiền mặt	10.242.203.856	660.163.917
Tiền gửi ngân hàng	6.677.017.241	24.933.577.410
Tiền đang chuyển	-	994.516.982
Cộng	16.919.221.097	26.588.258.309

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>30/09/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Đầu tư ngắn hạn		
Đầu tư chứng khoán (i)	5.362.031.000	40.490.002.573
Cho vay ngắn hạn	42.856.000.000	77.700.000.000
Cộng	48.218.031.000	118.190.002.573
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (i)	-	(562.635.945)
Đầu tư ngắn hạn thuần	48.218.031.000	117.627.366.628

(i) Chi tiết cổ phiếu đầu tư ngắn hạn tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	Số lượng cổ phiếu	Giá trị theo sổ sách	Giảm so với giá thị trường	Giá trị theo giá thị trường
Công ty cổ phần Vận tải và Thuê tàu – Vietfracht	535.400	5.362.031.000	-	5.514.620.000
Cộng		5.362.031.000	-	5.514.620.000

3. Các khoản phải thu khác

	<u>30/09/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại G.C.T	-	25.000.000.000
Phải thu tiền lãi cho vay	1.383.891.761	25.100.000
Phải thu từ chuyển nhượng vốn	141.100.000.000	-
Phải thu khác	24.027.157.920	1.299.569.007
Cộng	166.511.049.681	26.299.569.007

4. Hàng tồn kho

	<u>30/09/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Nguyên liệu, vật liệu	19.168.806.089	15.794.788.420
Công cụ, dụng cụ	603.815.260	393.637.031
Chi phí SX, KD dở dang	21.836.575.036	2.779.499.674
Thành phẩm	27.342.067.343	31.348.219.803
Hàng hóa	15.780.161.253	4.125.343.314
Cộng	84.731.424.981	54.441.488.242

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>30/09/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	82.131.032	92.943.520
Chi phí mua bảo hiểm	-	929.500
Chi phí thuê văn phòng	352.611.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	34.528.172	-
Cộng	469.270.204	93.873.020

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẬT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014

6. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình biến động tài sản cố định hữu hình trong kỳ như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	91.608.665.092	125.800.200.032	3.122.738.317	543.580.728	3.036.630.748	224.111.814.917
Tăng trong kỳ	4.764.185.454	19.454.643.538	3.077.207.273	31.818.181	-	27.327.854.446
Giảm trong kỳ	-	1.756.849.986	1.337.438.635	-	-	3.094.288.621
Số cuối kỳ	96.372.850.546	143.497.993.584	4.862.506.955	575.398.909	3.036.630.748	248.345.380.742
Giá trị mòn lũy kế						
Số đầu kỳ	2.402.808.162	5.841.104.299	142.242.830	60.931.379	303.663.072	8.750.749.742
Tăng trong kỳ	4.694.507.478	13.553.780.923	1.030.207.923	98.112.327	457.086.915	19.833.695.566
Khấu hao trong kỳ	4.480.972.348	9.426.962.386	447.505.479	82.079.500	457.086.915	14.894.606.628
Tăng khác	213.535.130	4.126.818.537	582.702.444	16.032.827	-	4.939.088.938
Giảm trong kỳ	-	547.507.972	118.044.742	-	-	665.552.714
Số cuối kỳ	7.097.315.640	18.847.377.250	1.054.406.011	159.043.706	760.749.987	27.918.892.594
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	89.205.856.930	119.959.095.733	2.980.495.487	482.649.349	2.732.967.676	215.361.065.175
Số cuối kỳ	89.275.534.906	124.650.616.334	3.808.100.944	416.355.203	2.275.880.761	220.426.488.148

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,

đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị của phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá	100.000.000	-	-	100.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	1.666.667	15.000.003	-	16.666.670
Giá trị còn lại	<u>98.333.333</u>	<u>15.000.003</u>	<u>-</u>	<u>83.333.339</u>

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2014	31/12/2013
CP XD/CB DD tại Công ty CP Năng lượng Thống Nhất	1.128.078.592	1.128.078.592
CP XD/CB DD tại Công ty cổ phần Tre công nghiệp TN	10.718.536.081	-
Cộng	<u>11.846.614.673</u>	<u>1.128.078.592</u>

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các Công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giờ	Giá trị (VND)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Số 52, Phạm Văn Đồng, Thị trấn Núi Thành, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam	90,00%	90,00%	135.000.000.000	Sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm, các sản phẩm khác từ plastic
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Thống Nhất Miền Trung	Thôn 1, xã Tam Lộc, Huyện Phú Ninh, Tỉnh Quảng Nam	52,46%	52,46%	16.000.000.000	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm chịu lửa
Công ty cổ phần Năng lượng Thống Nhất	Thôn Áng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	95,00%	95,00%	95.000.000.000	Đốt than hoa (gỗ, củi có nguồn gốc hợp pháp)
Công ty cổ phần Tre công nghiệp Thống Nhất	Cụm công nghiệp, xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình	65,00%	65,00%	82.850.000.000	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu
Công ty TNHH MTV Nông sản Thống Nhất	Cụm công nghiệp, xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình	100,00%	100,00%	8.000.000.000	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu
Công ty cổ phần xây dựng Hạ tầng Thống Nhất	Số 38, đường 18, phường Phúc Xá, quận Ba Đình, Hà Nội	51,00%	51,00%	15.300.000.000	XD công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi
Cộng				<u>352.150.000.000</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	30/09/2014	31/12/2013
Đầu tư vào các công ty liên kết	123.957.692.160	294.957.692.160
Điều chỉnh phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết	(1.158.231.738)	(1.410.910.056)
Cộng	122.799.460.422	293.546.782.104

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 như sau:

Tên Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giờ	Giá trị (VND)	Hoạt động chính
Công ty CP Granite Phú Yên	Sông Cầu - Phú Yên	48,00%	48,00%	86.400.000.000	Khai thác đá
Công ty CP Thực Phẩm Lâm Đồng	Thành phố Đà Lạt - Lâm Đồng	24,86%	24,86%	37.557.692.160	Sản xuất rượu và XK điều
Cộng				123.957.692.160	

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trình bày như sau:

	Công ty CP Granite Phú Yên	Công ty TNHH Thống Nhất	Công ty CP Thực Phẩm Lâm Đồng	Cộng
Giá trị đầu tư				
Số đầu năm	86.400.000.000	171.000.000.000	37.557.692.160	294.957.692.160
Tăng giá trị đầu tư	-	-	-	-
Giảm giá trị đầu tư	-	171.000.000.000	-	171.000.000.000
Số cuối kỳ	86.400.000.000	-	37.557.692.160	123.957.692.160
Phần tỷ lệ lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết				
Số đầu năm	(313.357.307)	(1.097.552.749)	-	(1.410.910.056)
Lợi nhuận (lỗ) thuần từ khoản đầu tư vào Công ty liên kết	(3.011.092.682)	-	2.166.218.251	(844.874.431)
Tăng khác	-	1.097.552.749	-	1.097.552.749
Cổ tức được chia trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	(3.324.449.989)	-	2.166.218.251	(1.158.231.738)
Giá trị ghi sổ				
Số đầu năm	86.086.642.693	169.902.447.251	37.557.692.160	293.546.782.104
Số cuối kỳ	83.075.550.011	-	39.723.910.411	122.799.460.422

Đầu tư dài hạn khác

	30/09/2014	31/12/2013
Công ty TNHH Thống Nhất	90.000.000.000	-
Cộng	90.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014

Thông tin chi tiết về các Công ty TNHH Thống Nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2014 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Giá trị (VND)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Thống Nhất	Quảng Trị	17,54%	17,54%	90.000.000.000	Khai thác titan
Cộng				90.000.000.000	

10. Chi phí trả trước dài hạn

	30/09/2014	31/12/2013
Chi phí trang trí nội thất văn phòng làm việc	340.909.088	441.919.192
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.410.841.213	3.546.148.282
Các chi phí khác	220.507.880	84.279.323
Cộng	2.972.258.181	4.072.346.797

11. Vay ngắn hạn

	30/09/2014	31/12/2013
Vay ngắn hạn ngân hàng	13.177.324.200	1.642.218.287
Vay ngắn hạn cá nhân	1.693.621.227	-
Cộng	14.870.945.427	1.642.218.287

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/09/2014	31/12/2013
Thuế giá trị gia tăng	-	2.332.769.936
Thuế xuất, nhập khẩu	679.990	679.989
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.188.843.861	8.204.528.616
Thuế thu nhập cá nhân	2.229.241	11.007.101
Thuế tài nguyên	-	-
Cộng	12.191.753.092	10.548.985.642

13. Chi phí phải trả

	30/09/2014	31/12/2013
Chi phí lãi vay	4.491.666	-
Chi phí phải trả khác	-	-
Cộng	4.491.666	-

14. Các khoản phải trả phải, phải nộp ngắn hạn khác

	30/09/2014	31/12/2013
Kinh phí công đoàn	68.550.247	19.589.005
Bảo hiểm xã hội, y tế, TN	279.696.089	202.556.483
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.886.574.223	398.944.395
Cộng	2.234.820.559	621.089.883

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014

15. Vốn chủ sở hữu

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	80.000.000.000	4.133.919.978	84.133.919.978
Tăng trong năm	600.000.000.000	23.490.766.046	623.490.766.046
Tăng vốn trong năm	600.000.000.000	-	600.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	23.490.766.046	23.490.766.046
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm trước/Số đầu kỳ này	680.000.000.000	27.624.686.024	707.624.686.024
Tăng trong kỳ	-	68.352.029.303	68.352.029.303
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	68.352.029.303	68.352.029.303
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	680.000.000.000	95.976.715.327	775.976.715.327

Cổ phiếu

	30/09/2014	31/12/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	68.000.000	68.000.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.000.000	68.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.000.000	68.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu.		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,

đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý III		Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013
Tổng doanh thu	140.476.443.494		343.328.364.775	4.801.901.700
Trong đó:				
Doanh thu bán hàng	126.483.236.383	-	283.435.160.305	4.801.901.700
Doanh thu cung cấp dịch vụ	623.571.680	-	4.950.000.000	-
Doanh thu xây dựng	13.369.635.431	-	54.943.204.470	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	96.535.046	-	157.074.025	-
Thuế XNK	45.235.046	-	105.774.025	-
Hàng bán bị trả lại	51.300.000	-	51.300.000	-
Doanh thu thuần	140.379.908.448	-	343.171.290.750	4.801.901.700

2. Giá vốn hàng bán

	Quý III		Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013
Giá vốn hàng bán	118.449.594.975	-	260.322.870.581	4.198.384.000
Giá vốn dịch vụ	428.706.248	-	3.232.329.474	-
Giá vốn xây dựng	12.729.081.734	-	42.671.749.975	-
Cộng	131.607.382.957	-	306.226.950.030	4.198.384.000

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý III		Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013
Lãi tiền gửi, cho vay	692.360.361	1.245.799.198	2.867.429.138	2.740.778.486
Cổ tức, lợi nhuận được chia	376.414.000	-	376.414.000	-
Lãi đầu tư cổ phiếu	183.578.500	-	15.967.654.624	-
Lãi chuyển nhượng vốn	43.800.000.000	-	43.800.000.000	-
Lãi CLTG đã thực hiện	-	-	5.653.006	-
Lãi CLTG chưa thực hiện	2.738.606	-	-	-
Doanh thu tài chính khác	-	-	-	-
Cộng	45.055.091.467	1.245.799.198	63.017.150.768	2.740.778.486

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014

4. Chi phí tài chính

	Quý III		Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013
Chi phí lãi vay	207.700.388	-	370.433.889	-
Lỗ đầu tư cổ phiếu	-	-	1.435.326.250	-
Lỗ CLTG đã thực hiện	41.940.821	-	42.675.658	-
Lỗ CLTG do đánh giá lại	-	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư ngắn hạn	-	-	(562.633.945)	-
Chi phí tài chính khác	2.609.529	-	197.747.432	-
Cộng	252.250.738	-	1.483.547.284	-

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý III		Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	49.837.540.902	976.170.466	88.210.323.732	2.595.690.726
Điều chỉnh tăng	1.138.148.317	-	1.805.280.156	-
Điều chỉnh giảm	-	-	108.714.000	-
Tổng thu nhập chịu thuế	50.975.689.219	976.170.466	89.906.789.888	2.595.690.726
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	10.823.596.305	244.042.617	18.794.701.965	648.922.682
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.823.596.305	244.042.617	18.794.701.965	648.922.682

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Quý III		Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013
Lợi nhuận kế toán sau thuế	38.848.321.405	732.127.849	68.352.029.303	1.946.768.044
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	38.848.321.405	732.127.849	68.352.029.303	1.946.768.044
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	68.000.000	68.000.000	68.000.000	68.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	571,20	10,77	1.005,18	28,63

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	9 tháng năm 2014	9 tháng năm 2013
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	53.842.269.384	40.152.471
Chi phí nhân công	13.007.490.933	446.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.894.606.628	717.879
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.169.210.856	481.814.376
Chi phí khác	2.577.130.303	197.253.478
Cộng	151.490.708.104	1.165.938.204

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

I. Thông tin các bên liên quan

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cũng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Công ty con
Công ty Cổ Phần Vật Liệu Xây Dựng Thống Nhất Miền Trung	Công ty con
Công ty cổ phần Năng lượng Thống Nhất	Công ty con
Công ty cổ phần Tre công nghiệp Thống Nhất	Công ty con
Công ty cổ phần Hạ tầng Thống Nhất	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nông sản Thống Nhất	Công ty con
Công ty CP Granite Phú Yên	Công ty liên kết
Công ty Thực Phẩm Lâm Đồng	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	9 tháng năm 2014	9 tháng năm 2014
Thu nhập của Ban điều hành, quản lý		
Lương, thưởng	955.500.000	682.500.000
Cộng	955.500.000	682.500.000

Tại ngày 30/09/2014, Công ty không có số dư với các bên liên quan

2. Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,

đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thống Nhất và các Công ty con đều hoạt động trong cùng ngành, nghề: Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; xây dựng công trình công ích; xây dựng nhà các loại; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu; Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa, Sản xuất ống nhựa cứng, ống nhựa mềm, các sản phẩm khác từ plastic, Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sản phẩm chịu lửa, Đốt than hoa (gỗ, củi có nguồn gốc hợp pháp)

Thông tin về tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động bán hàng	Hoạt động xây dựng	Hoạt động dịch vụ	Không phân bổ	Cộng
Số cuối quý					
Tài sản					
Tài sản bộ phận	63.378.423.214	52.565.058.163	9.048.274.832	-	124.991.756.209
Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	-	-	-	48.218.031.000	48.218.031.000
Các khoản đầu tư TC dài hạn	-	-	-	212.799.460.422	212.799.460.422
Tài sản không phân bổ	-	-	-	606.078.798.710	606.078.798.710
Tổng tài sản	63.378.423.214	52.565.058.163	9.048.274.832	867.096.290.132	992.088.046.341
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	55.477.993.150	26.109.322.108	6.508.411.715	-	88.095.726.973
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	58.866.717.504	58.866.717.504
Tổng nợ phải trả	55.477.993.150	26.109.322.108	6.508.411.715	58.866.717.504	146.962.444.477
Số đầu năm					
Tài sản					
Tài sản bộ phận	301.619.321.114	67.468.000.000	-	-	369.087.321.114
Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	-	-	-	117.627.366.628	117.627.366.628
Các khoản đầu tư TC dài hạn	-	-	-	293.546.782.104	293.546.782.104
Tài sản không phân bổ	-	-	-	26.423.599.595	26.423.599.595
Tổng tài sản	301.619.321.114	67.468.000.000	-	437.597.748.327	806.685.069.441
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	19.596.098.902	47.033.800.000	-	-	66.629.898.902
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	11.925.234.874	11.925.234.874
Tổng nợ phải trả	19.596.098.902	47.033.800.000	-	11.925.234.874	78.555.133.776

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mễ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động bán hàng	Hoạt động xây dựng	Hoạt động dịch vụ	Không phân bổ	Cộng
Kỳ tài chính từ 01/01/2014 đến 30/09/2014					
Doanh thu bộ phận	283.435.160.305	54.943.204.470	4.950.000.000	-	343.328.364.775
Giảm trừ	(157.074.025)	-	-	-	(157.074.025)
Doanh thu thuần	283.278.086.280	54.943.204.470	4.950.000.000	-	343.171.290.750
Chi phí bộ phận	(262.665.423.626)	(42.671.749.975)	(3.232.329.474)	(7.107.264.332)	(315.676.767.407)
Lợi nhuận gộp từ HBKD	20.612.662.654	12.271.454.495	1.717.670.526	(7.107.264.332)	27.494.523.343
Doanh thu tài chính	-	-	-	63.017.150.768	63.017.150.768
Chi phí tài chính	-	-	-	(1.483.547.284)	(1.483.547.284)
Thu nhập khác	-	-	-	2.665.738.558	2.665.738.558
Chi phí khác	-	-	-	(2.638.767.222)	(2.638.767.222)
Phản lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	(844.874.431)	(844.874.431)
Tổng LN kế toán trước thuế	20.612.662.654	12.271.454.495	1.717.670.526	53.608.436.057	88.210.223.732
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(4.534.785.784)	(2.699.719.989)	(377.887.516)	(11.182.308.676)	(18.794.701.965)
LN sau thuế	16.077.876.870	9.571.734.506	1.339.783.010	42.426.127.381	69.415.521.767
Kỳ tài chính từ 01/01/2013 đến 30/09/2013					
Doanh thu bộ phận	4.801.901.700	-	-	-	4.801.901.700
Giảm trừ	-	-	-	-	-
Doanh thu thuần	4.801.901.700	-	-	-	4.801.901.700
Chi phí bộ phận	(4.198.384.000)	-	-	(748.605.460)	(4.946.989.460)
Lợi nhuận gộp từ HBKD	603.517.700	-	-	(748.605.460)	(145.087.760)
Doanh thu tài chính	-	-	-	2.740.778.486	2.740.778.486
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
Tổng LN kế toán trước thuế	603.517.700	-	-	1.992.173.026	2.595.690.726
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(150.879.425)	-	-	(498.043.257)	(648.922.682)
LN sau thuế	452.638.275	-	-	1.494.129.769	1.946.768.044

Bộ phận theo khu vực địa lý

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu diễn ra tại 3 khu vực theo địa chỉ trụ sở của Công ty và các công ty con như sau:

- Thành phố Hà Nội: Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Thông Nhất, Công ty cổ phần Tre công nghiệp Thông Nhất, Công ty cổ phần Xây dựng Hạ tầng Thông Nhất, Công ty TNHH MTV Nông sản Thông Nhất;
- Tỉnh Quảng Nam: Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung và Công ty CP Vật Liệu Xây Dựng Thông Nhất Miền Trung;
- Tỉnh Quảng Bình: Công ty cổ phần Năng lượng Thông Nhất

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.6.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.919.221.097	26.588.258.309
Đầu tư ngắn hạn	48.218.031.000	117.627.366.628
Phải thu khách hàng	124.991.756.209	90.847.480.373
Phải thu khác ngắn hạn	166.511.049.681	26.299.569.007
Cộng	356.640.057.987	261.362.674.317
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn	14.870.945.427	1.642.218.287
Phải trả cho người bán	88.095.726.973	64.937.054.628
Chi phí phải trả	4.491.666	-
Các khoản phải trả khác	2.234.820.559	621.089.883
Cộng	105.205.984.625	67.200.362.798

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THÔNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty tập trung ở lĩnh vực cung cấp dịch tiếp vận, cho nên, Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, các khách hàng quen thuộc, tìm hiểu kỹ thông tin về khả năng tài chính đối với các đơn vị giao dịch lần đầu và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yếu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT THỐNG NHẤT

Tầng 2, Tháp CEO, Lô HH2-1 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ,
đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 9 năm 2014

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ ngắn hạn	14.870.945.427	-	-	14.870.945.427
Chi phí phải trả	4.491.666	-	-	4.491.666
Phải trả người bán	88.095.726.973	-	-	88.095.726.973
Các khoản phải trả khác	2.234.820.559	-	-	2.234.820.559
Cộng	105.205.984.625	-	-	105.205.984.625
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản TD tiền	16.919.221.097	-	-	16.919.221.097
Đầu tư ngắn hạn	48.218.031.000	-	-	48.218.031.000
Phải thu khách hàng	124.991.756.209	-	-	124.991.756.209
Các khoản phải thu khác	166.511.049.681	-	-	166.511.049.681
Cộng	356.640.057.987	-	-	356.640.057.987
Chênh lệch thanh khoản thuần cuối kỳ	251.434.073.362	-	-	251.434.073.362
Số đầu kỳ				
Vay và nợ ngắn hạn	1.642.218.287	-	-	1.642.218.287
Phải trả người bán	64.937.054.628	-	-	64.937.054.628
Các khoản phải trả khác	621.089.883	-	-	621.089.883
Cộng	67.200.362.798	-	-	67.200.362.798
Số đầu kỳ				
Tiền và các khoản TD tiền	26.588.258.309	-	-	26.588.258.309
Đầu tư ngắn hạn	117.627.366.628	-	-	117.627.366.628
Phải thu khách hàng	90.847.480.373	-	-	90.847.480.373
Các khoản phải thu khác	26.299.569.007	-	-	26.299.569.007
Cộng	261.362.674.317	-	-	261.362.674.317
Chênh lệch thanh khoản thuần đầu kỳ	194.162.311.519	-	-	194.162.311.519

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Thông tin so sánh

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Thành phố Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2014



TÀ VĂN QUYÊN
Tổng Giám đốc

HOÀNG MẠNH CƯỜNG
Kế toán trưởng

HOÀNG MẠNH CƯỜNG
Kế toán trưởng